TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02/02/2023
V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Liêu Văn Lộc

2. Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân Gia đình thụ lý số 531/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp "*Ly hôn, con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 288/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thoại N, sinh năm 1993 (Có mặt)

Nơi cư trú: Tổ X, khóm P , thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Phan Long B, sinh năm 1998 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ Y, khóm K, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai cùng ngày 27/10/2022 và lời khai trong quá trình tố tụng, tại phiên tòa nguyên đơn – Bà Trần Thị Thoại N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông B kết hôn vào năm 2019, hôn nhân do quen biết, tự nguyện sống chung như vợ chồng, không có tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang.

Sau khi kết hôn, ông bà về sống bên nhà cha mẹ chồng. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong cuộc sống,

ông B sinh ra ăn chơi, hút chích ma tuý. Từ đó dẫn đến bất đồng trong tình cảm vợ chồng, cả hai luôn bất hoà, gia đình không còn êm ấm hạnh phúc. Từ tháng 08 năm 2021, ông bà không còn chung sống với nhau nữa, ly thân nhau đến nay hơn 01 năm. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn đoàn tụ nên bà yêu cầu ly hôn với ông B.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Long T, sinh ngày 07/9/2020, hiện ông B đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn bà đồng ý để ông B được nuôi con chung, bà không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết

Bị đơn – Ông Phan Long B: Đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà N.

Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã thu thập được tài liệu, chứng cứ:

- Biên bản không lấy được lời khai của ông Phan Long B ngày 16/12/2022; Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân đối với ông Phan Long C (Cha ruột ông B) ngày 16/12/2022.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Có mặt

- Bị đơn: Vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

+ Việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân: Bà N được ly hôn với ông B; Về con chung: Ông B được tiếp tục nuôi con chung là cháu Phan Long T, sinh ngày 07/9/2020, bà N không phải cấp dưỡng nuôi con do ông B không yêu cầu; Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Bà N xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà N phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà N có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông B do vậy xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Phan Long B có nơi cư trú tại khóm K, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn – Ông B đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về phiên đối chất, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông B vắng mặt tại phiên toà đến lần thứ hai mà không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông B.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Bà N và ông B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật B vệ khi xảy ra tranh chấp.

Quá trình chung sống giữa bà N và ông B xảy ra mâu thuẫn không thể khắc phục, theo bà N nguyên nhân là do bất đồng trong tình cảm vợ chồng, cả hai luôn bất hoà, gia đình không còn êm ấm hạnh phúc và cả hai đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2021 cho đến nay. Nay bà kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông B.

Theo Biên xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông B ngày 16/12/2022, ông Phan Long C là cha ruột ông B trình bày: Giữa vợ chồng bà N và ông B trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn do cuộc sống kinh tế khó khăn dẫn đến bất đồng trong tình cảm, cả hai đã ly thân từ năm 2021 đến nay, ông B biết việc bà N gửi đơn ly hôn, ông B cũng đồng ý ly hôn nhưng do điều kiện đi làm xa nên không về để làm việc theo Giấy mời của Toà án. Theo ông C giữa bà N và ông B không có khả năng đoàn tụ vì cả hai không ai muốn níu kéo tình cảm.

Từ những nội dung nêu trên, xét thấy cuộc hôn nhân hiện nay giữa bà N và ông B lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc duy trì quan hệ hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, bà N được ly hôn với ông B.

2.2 Về con chung: Giữa bà N và ông B có 01 con chung tên Phan Long T, sinh ngày 07/9/2020. Hiện nay cháu T đang sống cùng với ông B, sau khi ly hôn bà N đồng ý giao con chung cho ông B nuôi, bà không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, về quy định pháp luật con chung dưới 36 tuổi sẽ ưu tiên giao cho người mẹ được trực tiếp nuôi, tuy nhiên do từ khi ly thân con chung do ông B nuôi và phía bà N cũng tự nguyện từ bỏ quyền được trực tiếp nuôi con. Do đó để không làm xáo trộn cuộc sống của con chung, và công nhận sự tự nguyện của bà N hội đồng xét xử quyết định giao con chung là cháu T cho ông B được tiếp tục nuôi dưỡng,

chăm sóc, giáo dục đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Ông B phải tạo điều kiện cho bà N trong việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do ông B không có ý kiến hay yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con nên bà N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn Nhân và Gia đình.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà N là N đơn phải chịu án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Bà N và ông B có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Thoại N được ly hôn với ông Phan Long B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 122 ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Phan Long T, sinh ngày 07/9/2020 cho ông Phan Long B được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Ông B phải tạo điều kiện cho bà N trong việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do ông B không yêu cầu nên bà N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn Nhân và Gia đình.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Thoại N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003957 ngày 08/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

4. Quyền kháng cáo:

Bà Trần Thị Thoại N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02/2/2023)

Ông Phan Long B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Trinh